**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP**

**MÔN TRIẾT HỌC CỔ TRUNG ĐẠI**

**1. Bối cảnh lịch sử và đặc điểm của triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại**

**\**Bối cảnh lịch sử***

- Hy Lạp cổ đại là quốc gia rộng lớn có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên vô cùng thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, tạo cơ sở vật chất cho một đời sống tinh thần phong phú – cơ sở nền văn minh phương Tây

- Sự phát triển của phân công lao động đã sớm tách biệt lao động trí óc khỏi lao động chân tay, dẫn đến sự xuất hiện tầng lớp trí thức. Đây chính là lực lượng sáng tạo ra những thành tựu to lớn về triết học và khoa học.

- Thông qua sự giao lưu, tương tác, chủ yếu là trên bình diện thương mại và chiến tranh, Hy Lạp thời kỳ cổ đại có sự tiếp nhận và ảnh hưởng của những yếu tố huyền học, tôn giáo và khoa học phương Đông (Lưỡng Hà, Ai Cập, Babylon…)

***\*Đặc điểm cơ bản***

*- Với tính cách là triết học của chế độ chiếm hữu nô lệ, triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại là ý thức hệ của giai cấp chủ nô, phản ánh và biện minh cho sự thống trị của giai cấp chủ nô.*

*- Triết học Hy Lạp cổ đại đánh dấu sự chuyển biến mang tính bước ngoặt từ phương thức tư duy từ tư duy thần thoại sang tư duy triết học.* Tuy nhiên, triết học ra đời không có nghĩa thần thoại mất đi, mà tiếp tục tồn tại trong tôn giáo, nghệ thuật, văn chương, nhưng được xem xét ở bình diện khác - bình diện giá trị. Ẩn sau những câu chuyện thần thoại là một triết lý sống, chứa đựng những chuẩn mực nhân văn

- Triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại chứa đựng những *tư tưởng biện chứng tự phát, sơ khai cùng với chủ nghĩa duy vật mộc mạc, chất phác* (thể hiện qua tư tưởng của trường phái Miletus, Heraclitus…). Ngay từ đầu, sự ra đời của triết học Hy Lạp đã gắn bó chặt chẽ với thực tiễn, xuất phát từ nhu cầu phát triển của nhận thức khoa học và kỹ thuật, gắn liền với quá trình ra đời và phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ ở Hy Lạp, chứa đựng mầm mống của hầu hết các thế giới quan sau này.

- *Khởi đầu cho việc nghiên cứu con người với tư cách là đối tượng của suy tư triết học*.  Triết học Hy Lạp cổ đại Tách ra khỏi yếu tố thần linh thống trị con người từ xưa, đỉnh cao của triết học cổ Hy Lạp là triết gia Socrates. Ông đã đề cập đến thân phận con người. Đa phần các triết gia có xu hướng hướng ngoại thì Socrates quay về hướng nội, ông đã đề cập đến đạo đức con người.

- *Triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại chịu ảnh hưởng nhất định của huyền thoại và tôn giáo sơ khai, văn hoá phương Đông*. Tuy nhiên, cần phải khẳng định rằng, dù có nhận lãnh được nguồn dinh dưỡng từ bên ngoài nào đi chăng nữa, triết học Hy Lạp vẫn là một hiện tượng bản địa. Nó là thành tựu đáng kinh ngạc của thế giới nói tiếng Hy Lạp; và chúng ta không nên gán cho người khác một công lao xứng đáng thuộc về chính người Hy Lạp.

**2.Ý tưởng của Plato về nhà nước [lý tưởng]**

**\**Plato là ai?***

Plato (427—347 B.C.E.) là một trong những triết gia vĩ đại, được đọc và nghiên cứu nhiều nhất trên thế giới. Học trò của Socrates và thầy của Aristotle (384–322 TCN). Về triết học, Plato chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ người thầy Socrates và một số nhà triết học tiền bối khác như Heraclitus, Parmenides, and phái Pythagoreans.

- Plato, tên thật là Aristocles. xuất thân trong một gia đình giàu có, hoạt động chính trị tích cực và có mối quan hệ gần gũi với chính quyền Athens. Ông là người sáng lập Học viện (đặt theo tên người anh hùng Academus) và giảng dạy tại đó cho đến cuối đời.

- Hầu hết tác phẩm của Plato đều bị thất lạc vào thế giới phương Tây cho đến thời trung cổ, chỉ được các học giả Hồi giáo ở Trung Đông bảo tồn.

- Các tác phẩm của Plato thường được chia thành ba nhóm:

(1) Các đối thoại Socrates (phản ánh tư tưởng của Socrates lịch sử)

(2) Các đối thoại Plato (phản ánh những ý tưởng triết học của Plato trong thời kỳ đỉnh cao sự nghiệp)

(3) Các đối thoại Plato hậu kỳ (phản ánh tư tưởng của Plato trong giai đoạn cuối đời)

***\* Vì sao nhà nước lý tưởng?***

- Plato là một nhà triết học có sự quan tâm lớn đến chính trị. Có lẽ là nội dung quan trọng và gây nhiều tranh cãi nhất trong triết học chính trị của Plato là ý tưởng của ông về nhà nước [lý tưởng].

- Vào thời đại Plato, nhiều người Athens coi thành bang của họ là hoàn hảo, nhưng nhà triết học cổ đại lại nghĩ khác, ông cho rằng:

+ Đó là một xã hội không dành chỗ đứng xứng đáng cho những người có chuyên môn về chính trị.

+ Một nền dân chủ đang rơi vào khủng hoảng - bản chất kiêu ngạo, những sai lầm về quân sự, chính trị và xã hội, và thậm chí cả sự khinh thường đối với chính công dân của mình.

+ Sự suy tàn và đổ nát, sự nghiệp dư, cầu toàn và ích kỷ chính trị đang lan tràn khắp nền dân chủ Athens đương thời.

+ Chủ nghĩa cá nhân cực đoan cũng khiến công dân nắm giữ chức vụ của Nhà nước vì mục đích ích kỷ của riêng họ và cuối cùng chia “Athens thành hai phe gồm người giàu và người nghèo, kẻ áp bức và người bị áp bức.”

***\* Mục đích của nhà nước lý tưởng***

- Cung cấp một sự phản ứng mang tính phê phán đối với xã hội loạn lạc trong thời đại của ông.

- Nhà nước lý tưởng được thiết kế để đảm bảo công lý, hòa hợp và hạnh phúc cho người dân.

***\* Nguyên tắc xây dựng nhà nước lý tưởng***

Nhà nước lý tưởng được xây dựng dựa trên các nguyên tắc căn bản: *phân công lao động*, *sở hữu chung*, và *hướng đến lợi ích chung*.

***-*** Plato tin rằng, vai trò của mỗi thành viên trong nhà nước lý tưởng được xác định dựa trên khả năng và xu hướng tự nhiên của họ.

- Quyền sở hữu chung là cần thiết để đảm bảo mọi thành viên đều bình đẳng về quyền tiếp cận các nguồn lực và không ai quá giàu hoặc quá nghèo.

- Theo đuổi lợi ích chung là cần thiết để đảm bảo nhà nước hoạt động như một chỉnh thể, mỗi thành viên đóng góp vào phúc lợi chung của xã hội.

***\* Học thuyết linh hồn: Cơ sở triết học của việc phân chia cấu trúc nhà nước lý tưởng***

- Plato không đưa ra bất cứ một định nghĩa nào về linh hồn, nhưng khẳng định về tính bất tử và cấu trúc ba phần của nó:

+ Epithumia: ham muốn và đam mê

+ Thumos: tinh thần, tính nóng nảy, hung hăng, can đảm

+ Logikon: lý trí, bất tử, thần thánh

Tương ứng với cấu trúc ba phần của linh hồn, Plato phân chia cấu trúc nhà nước lý tưởng thành ba đẳng cấp:

+ Triết gia (Lãnh đạo);

+ Chiến binh (Bảo hộ);

+ Lao động bình dân (Sản xuất)

***\* Ai là người thích hợp để lãnh đạo nhà nước lý tưởng***

- Theo Plato, triết gia là người xứng đáng đảm đương trách nhiệm lãnh đạo nhà nước lý tưởng bởi họ là “những người có khả năng đạt đến cái đồng nhất vĩnh cửu với chính mình”.

- Triết gia có tầm nhìn xa trông rộng, không dừng lại ở các hiện tượng riêng lẻ, mà đi sâu hơn đến bản chất của sự vật. Họ có khát vọng nhiệt thành vươn đến sự thông thái, “cái hé mở cho họ thực tại vĩnh cửu không trải qua sinh diệt.

- Triết gia còn có tính trung thực, yêu mến chân lý và căm thù sự dối trá. Triết gia, do đó, hoàn toàn khác biệt với “đám đông”.

- Trong hình dung của Plato, nhà lãnh đạo – triết gia là mẫu mực của chủ thể quyền lực trong nhà nước lý tưởng.

***\* Nhận định, bình luận***

- Quan niệm về nhà nước lý tưởng phi thực tế, có tính không tưởng.

- Trong quan niệm của Plato về nhà nước lý tưởng không có chỗ nào nhắc đến luật pháp. Điều này dường như dẫn người ta đến chỗ hoài nghi rằng trong nhà nước lý tưởng của ông sẽ không cần đến luật pháp vì người dân sẽ hạnh phúc và hạnh phúc đến mức họ không cần đến sự hiện diện của pháp luật.

- Điều thú vị là không có giai cấp thứ tư nào được nhắc đến trong “nhà nước lý tưởng” của Plato. Nô lệ vẫn rất được sử dụng, thậm chí ưa chuộng nhưng họ lại không được thừa nhận bất kỳ quyền con người nào.

**3. Bối cảnh lịch sử và đặc trưng của triết học trung cổ**

***\* Bối cảnh lịch sử***

- Xã hội Tây Âu thời trung cổ là khoảng thời kỳ lịch sử từ thế kỷ thứ IV đến thế kỷ XIV (Đêm trường trung cổ). Đây là thời kỳ hình thành và phát triển của phương thức sản xuất phong kiến ở phương Tây.

- Đây là thời kỳ, giai cấp quý tộc phong kiến cùng với giới tăng lữ, giáo hội và nhà thờ đã nắm giữ quyền thống trị, đồng thời thiết định được một sức mạnh chưa từng có của thần quyền, có khả năng chi phối cả quyền lực chính trị. Bởi vậy trong suốt nhiều thế kỷ, triết học và khoa học đã trở thành nô tì của thần học, tồn tại và hiện thân trong vai người ca tụng, biện minh cho các tín nhiệm của tôn giáo, phản bác, loại bỏ các tư tưởng dị giáo, đa thần và các quan niệm tiến bộ.

***\* Đặc trưng của triết học trung cổ (xem tài liệu Nguyễn Tiến Dũng: tr.169-172)***

- Triết học trung cổ là tiếng đồng vọng của tôn giáo, là sự biện minh của thần học.

Ở bình diện chính trị thời trung cổ được xác định bằng sự liên minh giữa thần quyền và thế quyền, nhà thờ và nhà nước, trong đó nhà thờ chiếm ưu thế. Chính triết học đã thực hiện chức năng bảo vệ, củng cố về mặt tinh thần sự liên minh ấy. Ở bình diện đạo đức, triết học Kitô giáo khẳng định những giá trị đạo đức của thời trung cổ, chứa đựng trong Kinh Thánh.

- Chủ đề trung tâm của triết học trung cổ là quan hệ giữa đức tin và lý trí

- Cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa chủ nghĩa duy thực và chủ nghĩa duy danh

- Sự thống trị của chủ nghĩa kinh viện (Scholasicism)

- Con người – sinh linh bé nhỏ, trĩu nặng trong tội tổ tông, ăn năn sám hối trong kiếp làm người

**4. Chủ nghĩa kinh viện**

**\**Chủ nghĩa kinh viện là gì?***

- “Kinh viện” bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp cổ “Scholasticos”, dịch sang tiếng Latin là "scholastica", nghĩa là "thuộc về nghiên cứu, học thuật". Đây là cách tư duy và phương pháp lý luận khoa bản, được phát triển trong giới học giả Latin thuộc về thời Trung cổ (thế kỷ V – XV).

- Chủ nghĩa kinh viện như một kiểu triết học tôn giáo, được đặc trưng bởi sự lệ thuộc có tính nguyên tắc vào thần học, sự liên kết các tín điều với phương pháp của lý trí và sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề lôgíc, nhất là lôgíc hình thức.

***-*** Xét trong ngữ cảnh triết học, thuật ngữ chủ nghĩa kinh viện có hai nghĩa:

*Thứ nhất*, nghĩa trực tiếp là thứ triết học chính thống, dùng trong các trường học, theo một chương trình thoấng nhất từ trên xuống, lấy Kinh Thánh làm cơ sở thế giới quan;

*Thứ hai,* những chân lý đã có sẵn trong Kinh thánh và các giáo điều thần học được triết lý hóa, đạt tới thứ tri thức uyên bác, chặt chẽ về lôgíc trình bày, nhưng mang tính tư biện, tinh sách vở, xa rời thực tiễn cuộc sống.

- Triết học Kinh viện vừa là phương pháp, vừa là một hệ thống hướng tới việc hòa trộn thần học Kitô giáo của các Giáo phụ với triết học Hy Lạp cổ đại hậu kỳ, đặc biệt là Aristotle và phái Tân-Plato.

- Về mặt lịch sử, chủ nghĩa kinh viện hình thành vào thế kỷ IX, sau đó phát triển mạnh nhất vào các thế kỷ XI – XII, và bắt đầu suy tàn và sụt giảm ảnh hưởng từ cuối thế kỷ XIV trước sự lớn mạnh của tư tưởng khoa học và nhân văn.

- Đặc điểm lớn nhất của chủ nghĩa kinh viện đó là sự dung hòa giữa triết học Kitô và các nguồn triết lý ngoại giáo nhằm tìm kiếm ở đó những khả năng luận giải cho các vấn đề của thần học Thánh kinh.

***\* Ảnh hưởng của chủ nghĩa kinh viện đối với triết học và khoa học phương Tây thời trung cổ***

- Chủ nghĩa kinh viện đã đóng góp vào việc hệ thống hóa tri thức, kết hợp triết học, thần học, và các lĩnh vực khác thành một cấu trúc có hệ thống.

- Khuyến khích suy tư triết học: Sự nhấn mạnh vào lý trí đã tạo điều kiện cho các triết gia như Thomas Aquinas phát triển các lập luận triết học về sự tồn tại của Thiên Chúa và bản chất của con người.

- Mặc dù chủ yếu tập trung vào thần học, kinh viện cũng khuyến khích nghiên cứu về tự nhiên và khoa học, dẫn đến những bước tiến nhất định trong các lĩnh vực như sinh học, vật lý và thiên văn học.

- Chủ nghĩa kinh viện đã ảnh hưởng đến sự hình thành của các trường đại học, nơi triết học và khoa học được giảng dạy một cách chính thức.